

VĂN HÓA CỘNG ĐỒNG NGƯỜI HÀN QUỐC TẠI THÀNH PHỐ BẮC NINH QUA ỨNG XỬ, ẨM THỰC VÀ TRANG PHỤC

NGUYỄN THỊ THÁI PHƯƠNG

Email: nguyentthaihuong@gmail.com

Học viên K10 – QLVH Trường ĐH Sư phạm Nghệ thuật Trung ương

LEARNING COMMUNITY CULTURE ACTIVITIES OF KOREA COMMUNITIES IN BAC NINH CITY - BAC NINH PROVINCE

TÓM TẮT



ABSTRACT

Bắc Ninh là một trong bảy tỉnh nằm trong qui hoạch vùng kinh tế chiến lược Bắc bộ, tập trung 16 khu công nghiệp, 30 cụm công nghiệp thu hút hơn 55% là doanh nghiệp Hàn Quốc. Cộng đồng lao động người Hàn Quốc đã hình thành từ những năm 2010. Văn hóa đời sống cộng đồng người Hàn Quốc có nhiều đặc điểm tương đồng với văn hóa Việt Nam và cũng có những đặc điểm riêng. Bài viết khái quát về cộng đồng người Hàn Quốc tại thành phố Bắc Ninh: lịch sử hình thành, đặc trưng ứng xử xã hội, đặc trưng ẩm thực, đặc trưng trang phục.

Từ khóa: Văn hóa Hàn Quốc; Đặc trưng văn hóa Hàn Quốc; hoạt động văn hóa cộng đồng người Hàn Quốc; người Hàn Quốc tại Bắc Ninh

Bac Ninh is one of seven provinces in the planning of the Northern strategic economic region, concentrating 16 industrial zones, 30 industrial clusters, attracting more than 55% of Korean enterprises. Korean working community has been formed since 2010. Korean community cultural activities have many similarities with Vietnamese culture and also have its own characteristics. The article summarizes the Korean community in Bac Ninh city about the history of formation, Korean cultural characteristics: society manners, dressing and cuisine culture in Bac Ninh city.

Keywords: Korean cultural; Characteristic of Korean culture; Korean community cultural activities; Korean people in Bac Ninh

1. Giới thiệu cộng đồng người Hàn Quốc tại thành phố Bắc Ninh

Thành phố Bắc Ninh là Đô thị loại I, trung tâm hành chính- kinh tế của tỉnh Bắc Ninh, diện tích 82,64km², dân số 622.204 người. Theo thống kê, cộng đồng người Hàn Quốc đang sinh sống tại Việt Nam khoảng 150.000 người, tập trung ở các thành phố có thể mạnh công nghiệp mũi nhọn. Cộng đồng người Hàn Quốc hình thành tại thành phố Bắc Ninh từ những năm 2010, khi những doanh nghiệp Hàn Quốc mở rộng khai thác tài nguyên nhân lực, vật lực tại tỉnh Bắc Ninh. Chủ trương hợp tác toàn diện trong phát triển kinh tế với đối tác Hàn Quốc đã đa dạng hóa ngành nghề trong các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Tuy Bắc Ninh có 14 khu công nghiệp phân bố trên địa bàn tất cả các huyện, thị của tỉnh, nhưng nhờ điều kiện tự nhiên là tỉnh có diện tích nhỏ nhất cả nước, hệ thống đường sá thuận tiện, nên thành phố Bắc Ninh được lựa chọn là nơi sinh sống của đại đa số người Hàn Quốc. Nhờ điều kiện kinh tế phát triển, tập trung trên diện tích nhỏ, cộng đồng nước ngoài nói chung và cộng đồng người Hàn Quốc nói riêng

đến sinh sống tại thành phố Bắc Ninh nói riêng dễ dàng tiếp cận đến những dịch vụ chăm sóc sức khỏe, giải trí, các thiết chế văn hóa, tiện ích công cộng phục vụ đời sống.

Người Hàn Quốc đến thành phố Bắc Ninh phần lớn sở hữu giấy phép cư trú thuộc lao động theo các nhà máy, công ty, tập đoàn lớn. Hầu hết họ là các chủ doanh nghiệp, đặc phái viên khu vực của tập đoàn, tổ chức lớn, có vốn cấp cao, lao động trí thức và một phần nhỏ là cá thể làm chủ kinh doanh dịch vụ cho cộng đồng, vì vậy cộng đồng người Hàn Quốc tại Bắc Ninh được đánh giá là tầng lớp có thu nhập tốt, góp phần đa dạng nền kinh tế, làm phong phú đời sống xã hội đang thay đổi vượt bậc tại đô thị loại I - thành phố Bắc Ninh.

2. Đặc điểm hoạt động văn hóa cộng đồng người Hàn Quốc tại thành phố Bắc Ninh

Qua tìm hiểu của tác giả, văn hóa Hàn Quốc được nhận diện qua 20 đặc trưng là:

1 – Hanbok (한복); 2 – Văn hóa Kimchi (김치)

CULTURE

và Bulgogi (불고기); 3 – Hangeul (한글); 4 – Jongmyo Jeryeak (종묘제례악); 5 – Văn hóa múa mặt nạ Talchum; 6 – Nhân sâm (인삼); 7 – Chùa Bulguksa (불국사) và Seokguram Grotto (석굴암); 8 – Núi Seoraksan (설악산); 9 – Nghệ thuật Hàn Quốc (한국 예술); 10 – Di sản in; 11 – Nhạc cụ truyền thống; 12 – Văn hóa Dancheong (단청); 13 – Hoa văn (한국문양); 14 – Văn hóa thêu thùa Jasu (자수); 15 – Văn hóa gói bọc Bojagi (보자기); 16 – Nghệ thuật gấp giấy thủ công (한지공예); 17 – Tranh dân gian (민화); 18 – Sesi (세시); 19 – Các nghi lễ trưởng thành (관혼상제); 20 – Văn hóa vườn cảnh (정원).

Trong các đặc trưng văn hóa Hàn Quốc được biết đến tại Việt Nam, tác giả phân chia thành: Văn hóa đời sống vật chất và văn hóa tinh thần.

Văn hóa đời sống vật chất có một nội hàm rộng, phong phú. Trong bài viết này, tác giả đề cập đến những văn hóa đời sống vật chất cơ bản nhất của con người là ăn uống (âm thực), mặc (trang phục) và nhu cầu giao lưu xã hội (ứng xử với xã hội).

Để tìm hiểu thực trạng đời sống văn hóa cơ bản cộng đồng người Hàn Quốc tại thành phố Bắc Ninh, tác giả đã tiến hành điều tra bằng phỏng vấn trực tiếp trên 300 đối tượng là người Hàn Quốc về đặc điểm các nhu cầu thường thức. Đối tượng được hỏi từ 25 đến 40 tuổi, cả nam lẫn nữ.

B1. ỨNG XỬ CỦA CỘNG ĐỒNG NGƯỜI HÀN QUỐC VỚI XÃ HỘI					
tỉ lệ % trên 300 đối tượng khảo sát					
STT	Nội dung	Trả lời			
		Có	Tỉ lệ	Không	Tỉ lệ
1	Trọng tình nghĩa, sự tín nhiệm trong các mối quan hệ xã hội	300	100	0	0
2	Coi trọng gia đình, quan hệ huyết thống	300	100	0	0
3	Ứng hộ hôn nhân	232	77,3	68	22,7
4	Đề cao lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc	292	97,3	8	2,7
5	Thờ cúng tổ tiên	121	40,3	179	59,7
6	Gắn kết cộng đồng, sinh hoạt theo nhóm hội	211	70,3	89	29,7
7	Tuân theo giá trị Nhân - Nghĩa - Trung - Hiếu	280	93,3	20	6,7

Dân tộc Việt Nam và dân tộc Hàn Quốc đều có nguồn gốc xã hội xa xưa là nền nông nghiệp lúa nước, trồng trọt và chăn nuôi. Môi trường sinh dưỡng và truyền thống tồn tại cùng thiên nhiên tạo nên triết lý sống nhân bản, hiền hòa, trọng tình nghĩa.

Quan niệm coi trọng gia đình có cơ sở sâu sắc từ bản chất bảo lưu huyết tộc. Sản xuất tiểu nông cần sự cố kết, hợp tác để cùng làm thủy lợi, cùng vượt qua khắc nghiệt của thiên nhiên và chống chọi với dịch bệnh. Vì vậy, gia tăng tình cảm huyết thống, gia đình lên thành các kết nối trong cộng đồng, đoàn kết lại để trở thành cấu trúc làng xã, sâu rộng hơn là lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết dân tộc (100% người Hàn Quốc được hỏi có quan điểm coi trọng gia đình, 97,3% đề

cao lòng yêu nước, tự hào dân tộc). Cộng đồng người Hàn Quốc tại thành phố Bắc Ninh có đặc điểm sinh sống quần tụ theo nhóm, tính gia đình được coi trọng, rất hiếm có một cá nhân sống đơn thân, không thuộc tổ chức, nhóm hội nào. 70,3% người Hàn Quốc tham gia phỏng vấn đang sống chung với bạn bè cũng là người Hàn Quốc là con số thể hiện rất rõ đặc trưng gắn kết cộng đồng của người Hàn Quốc tại Bắc Ninh. Người Hàn Quốc coi trọng quan hệ huyết thống là quan hệ tự nhiên của con người để sinh tồn. Vì vậy họ có tính ngưỡng thờ cúng tổ tiên để tưởng nhớ thế hệ trước và coi trọng việc lập gia đình để duy trì thế hệ sau. 77,3% người được hỏi ủng hộ hôn nhân. Trao đổi thêm khi phỏng vấn, họ đều cho rằng xây dựng gia đình là việc tất yếu của đời người, họ sẵn sàng thực hiện điều đó ngay cả khi ở Việt Nam với người bạn đời không phải người Hàn Quốc.

Nho giáo có ảnh hưởng sâu sắc ở cả đất nước Hàn Quốc lẫn Việt Nam, giá trị đạo đức của Nho giáo về Nhân - Nghĩa - Trung - Hiếu hòa hợp với các giá trị văn hóa bản địa để trở thành hệ giá trị nhân văn truyền thống của cả hai quốc gia. Các tương đồng về tính nhân văn trong ứng xử gia đình – xã hội của văn hóa Việt Nam, Hàn Quốc có gốc rễ từ kết cấu văn hóa, xã hội, tự nhiên bản địa. Khi cùng tiếp nhận Nho giáo sẽ càng tăng thêm tính tương đồng trong văn hóa giữa Hàn Quốc và Việt Nam. Cộng đồng người Hàn Quốc tại Bắc Ninh nói riêng, tại Việt Nam nói chung dễ dàng hòa nhập với xã hội Việt Nam nhờ đặc điểm này. 93,3% người Hàn Quốc thuận theo giá trị đạo đức Nho giáo về Nhân – Nghĩa – Trung – Hiếu.

B2. ỨNG XỬ CỦA CỘNG ĐỒNG NGƯỜI HÀN QUỐC VỚI TRANG PHỤC											
Tỉ lệ % trên 300 đối tượng khảo sát											
STT	Nội dung	1 điểm		2 điểm		3 điểm		4 điểm		5 điểm	
		SL	Tỉ lệ								
1	Giữ nguyên phong cách thời trang như tại quê hương	56	18,7	123	41	43	14,3	36	12	42	14
2	Mang các sản phẩm thời trang từ nước ngoài về Việt Nam sử dụng	14	4,7	26	8,7	30	10	215	71,7	15	5
3	Sử dụng trang phục sản xuất tại Việt Nam dành cho người Việt	59	19,7	64	21,3	123	41	31	10,3	23	7,7
4	Xu hướng thời trang theo thần tượng ở nước bản địa	10	3,3	80	27	87	29	102	34	21	7
5	Xu hướng thời trang theo thần tượng ở Việt Nam	8	2,7	12	4	15	5	78	26	187	62,3

Trang phục trong xã hội phát triển là một loại tín hiệu chứa đựng nhiều thông điệp: về địa vị xã hội, về đẳng cấp, về chức tước, về điều kiện tôn giáo, về điều kiện kinh tế... Nó đồng thời cũng biểu đạt thị hiếu thẩm mỹ của người mặc. Trên phương diện giao lưu văn hóa, thì nó là tín hiệu đại diện cho tộc người. Trang phục bị chi phối để thích hợp với điều kiện tự nhiên, văn hóa xã hội của môi trường sinh sống, vì vậy cộng đồng người Hàn Quốc được nghiên cứu cho biết họ không thay đổi cách ăn mặc của mình nhiều so với trước khi đến Việt Nam. Lí do khiến những người được hỏi phải lựa chọn phong cách trang phục khác là để phù hợp với điều kiện thời tiết. 41% đối tượng phỏng vấn rất ít mua sắm, thay đổi phong cách. 14% số người khảo sát, chủ yếu là người trẻ yêu thích

CULTURE

phong cách thời trang xu hướng thịnh thành, đương thời nên thay đổi.

Đặc trưng văn hóa mặc của người Việt Nam là tính giản dị, tiện lợi, ưa gam màu trầm (đen, gụ, nâu, xám...). Đến thế kỉ XX, có sự tiếp xúc với văn hóa phương Tây, những bộ Âu phục ra đời, đó là cuộc cách tân về thời trang của phụ nữ. Đầm xòe, váy dài, thêm nhiều trang sức, chi tiết tỉ mỉ cầu kì hơn (khuy, xếp li, cài áo, nơ...). Trang phục truyền thống cũng được thay đổi các chi tiết nhỏ, kĩ lưỡng hơn, với màu sắc phong phú. Đặc trưng văn hóa mặc của người Hàn Quốc là Hanbook – trang phục truyền thống thì nổi bật ở sự rực rỡ sắc màu, lễ nghi trong cách mặc, đem lại sự trang trọng trong mỗi lần mặc. Trong thời kì hiện đại, từ những năm đầu thế kỉ XXI, phong cách thời trang Hàn Quốc trở thành xu hướng, ảnh hưởng đến toàn châu Á. Giới trẻ Việt Nam yêu chuộng phong cách thời trang Hàn Quốc vì sự tinh tế, trẻ trung, mẫu mã đa dạng, hiện đại và được đánh giá cao trên quốc tế. Người Hàn Quốc đã rất khéo léo sử dụng “quyên lực mềm” trong văn hóa để quảng bá ngành công nghiệp thời trang của mình ra thế giới. Vì vậy, cộng đồng người Hàn Quốc tại Bắc Ninh rất tự tin với phong cách thời trang của mình. Xu hướng thời trang Hàn Quốc không chỉ là niềm tự hào, có ảnh hưởng đến các nước châu Á mà còn lan rộng ra khắp thế giới. 71,7% người được hỏi thường mua sắm trang phục tại Hàn Quốc, rồi mới mang sang Việt Nam để sử dụng.

B3. ỨNG XỬ CỦA CỘNG ĐỒNG NGƯỜI HÀN QUỐC VỚI ĂM THỰC

STT	Nội dung	Tỉ lệ % trên 300 đối tượng khảo sát									
		1 điểm		2 điểm		3 điểm		4 điểm		5 điểm	
		SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
1	Giữ nguyên thói quen ăn uống như tại quê nhà	295	98,3	0	0	2	0,7	0	0	0	0
2	Ăn đồ ăn chế biến theo kiểu châu Âu	85	28,3	95	31,67	30	10	42	14	48	16
3	Ăn đồ ăn chế biến theo kiểu Việt Nam	125	41,7	72	24	45	15	31	10	27	9
4	Mức độ hài lòng về đáp ứng nhu cầu thực phẩm truyền thống	86	28,7	66	22	74	25	52	17	12	4

Người Việt Nam và người Hàn Quốc đều có chung lương thực chính là gạo, nguyên liệu thực phẩm cũng có sự tương đồng. Nguyên liệu chế biến thức ăn là thịt lợn, thịt gà, thịt bò, thủy sản, các loại rau và rau gia vị phong phú. Thức uống phổ biến nhất là rượu làm từ gạo và các loại trái cây (lê, nhân sâm...), các loại trà... Vì có sự tương đồng trong nguyên liệu như vậy, nên cộng đồng người Hàn vẫn đảm bảo được nguồn thực phẩm như tại quê nhà. Đồng thời, họ cũng rất thích món ăn Việt Nam, nhờ sự tương đồng trong cách chế biến ẩm thực. 98,3% người được hỏi sẵn sàng thay đổi khẩu vị, cách chế biến, gia giảm gia vị theo môi trường, khí hậu của Việt Nam. Điều này dễ được chấp nhận bởi sự tương đồng trong nguồn nguyên liệu. Ẩm thực Hàn Quốc và Việt Nam đều có sự tương đồng đặc trưng đa vị, đa sắc, đa hương và

cân bằng âm dương, cơ cấu trong một bữa ăn là món thực vật nhiều hơn món chế biến từ động vật. Cách thức ăn đều là dùng đũa và ăn cơm trong bát nhưng mâm cơm người Hàn sử dụng nhiều bát nhỏ, đĩa nhỏ, và thìa hơn. Cộng đồng người Hàn Quốc tại Bắc Ninh là lao động tay nghề cao thuộc các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh, họ dành phần lớn thời gian để làm việc. Vì vậy tuy có điều kiện thuận lợi nhưng ít người tự chế biến món ăn. Lựa chọn ở các nhà hàng cũng phong phú hơn, nên lượng khách hàng là người Hàn Quốc luôn đông đảo. Đó cũng là cơ hội để các nhà hàng Âu, Á xuất hiện nhiều hơn và được đón nhận tại thành phố Bắc Ninh. 16% số người được hỏi cho biết họ ăn đồ ăn chế biến theo kiểu châu Âu khá thường xuyên, 2-3 lần/tháng. 28,3% số người không yêu thích đồ ăn châu Âu.

Văn hóa đời sống cơ bản tuy là những nhu cầu tối thiểu, gắn với tính cấp thiết để đảm bảo sự sinh tồn của con người, nhưng nó là biểu hiện rõ ràng nhất của quá trình hình thành và phát triển văn hóa tộc người, bản sắc văn hóa trong sự giao thoa văn hóa các dân tộc. Qua sự so sánh giữa tương đồng và khác biệt trong các yếu tố văn hóa cơ bản của cộng đồng người Hàn Quốc tại Bắc Ninh với văn hóa truyền thống tại Hàn Quốc, đã cho thấy rõ sự thay đổi, thích nghi của cộng đồng người Hàn Quốc tại Bắc Ninh, kết quả nghiên cứu này tạo điều kiện quản lý văn hóa cộng đồng người Hàn Quốc sâu sát, nâng cao hiệu quả quản lý.

3. Kết luận

Từ trong bản chất, nền văn hóa truyền thống của xã hội nông nghiệp Việt Nam và Hàn Quốc đều thấm đậm tính chất nhân văn, trọng tình. Sự tương đồng càng được nâng cao qua tiếp thu hệ giá trị Nho giáo. Tuy ở mỗi quốc gia, chúng đều được biến đổi để phù hợp với các đặc điểm văn hóa xã hội đặc thù nhưng cộng đồng người Hàn Quốc đến Việt Nam đều không gặp trở ngại trong việc hòa nhập với xã hội, thích nghi tốt với xã hội.

Trong thời kì lịch sử, Hàn Quốc không có vấn đề đột biến về lãnh thổ như ở Việt Nam. Các triều đại thống trị lâu dài nhiều thế hệ, nên Hàn Quốc ít phải đối mặt với nguy cơ đồng hóa từ ngoại xâm hay cưỡng bức thay đổi y phục theo triều đại. Với điều kiện đó, trang phục truyền thống của Hàn Quốc có tính ổn định hơn. Thời kì hiện đại, Âu phục trở nên phổ biến và không có biên giới thì trang phục đương thời Việt Nam và Hàn Quốc không có nhiều khác biệt.

Trong ẩm thực, đặc trưng tương đồng nổi bật của người Việt và cộng đồng người Hàn Quốc là hai bên đều sử dụng sản phẩm của nông nghiệp lúa nước làm lương thực chính. Nguồn nguyên liệu tương đồng không chỉ ở lương thực mà còn ở các thực phẩm nổi

CULTURE

chung, không chỉ ở thức ăn mà còn cho cả thức uống. Tuy nhiên, Hàn Quốc là đầu gạch nối giữa lúa nước và lúa khô do điều kiện tự nhiên. Nghi lễ trên bàn ăn của người Hàn Quốc phức tạp và nghiêm ngặt hơn người Việt rất nhiều.

Tựu lại, cộng đồng người Hàn Quốc tại Bắc Ninh thích ứng tốt với điều kiện sống về văn hóa mặc, ẩm thực và ứng xử ở Việt Nam, hứa hẹn một tương lai hợp tác tốt đẹp lâu dài giữa các doanh nghiệp, chính phủ Hàn Quốc với tỉnh Bắc Ninh nói riêng và đất nước Việt Nam nói chung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Đặng Văn Lung (2002)**, *Tiếp cận văn hóa Hàn Quốc*, Nxb Văn hóa – Thông tin, Hà Nội.
2. **Kang Young Min (2009)**, *Văn hóa ẩm thực Hàn Quốc tại Việt Nam*, luận văn Thạc sĩ ngành Việt Nam học, trường ĐH KHXH&NV – ĐH Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
3. **Kim Su Jeong (2008)**, *Mối quan hệ Việt – Hàn sau chiến tranh của Mỹ tại Việt Nam*, Luận án tiến sĩ, trường ĐH KHXH&NV – ĐH Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
4. *Lịch sử Hàn Quốc (2005)*, Giáo trình ngành Hàn Quốc học, ĐH Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
5. **Tổng cục Thống kê (2019)**, *Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019*, Nxb Thống kê, Hà Nội.